



# QUẢN LÝ USER

# Nội dung

- Định nghĩa tài khoản người dùng
- Quản lý tài khoản người dùng

# Định nghĩa

## Tài khoản người dùng

- Là một đối tượng cho phép chứng thực và truy cập tới tài nguyên mạng trong hệ thống domain
- Có 2 loại tài khoản người dùng:
  - Tài khoản người dùng cục bộ (Local user)
  - Tài khoản người dùng miền (Domain user)

# Local user

- Tài khoản người dùng được định nghĩa trên máy cục bộ
- Chỉ được phép đăng nhập và truy cập các tài nguyên trên máy tính cục bộ
- Để truy cập các tài nguyên trên mạng thì phải chứng thực với máy domain controller hoặc máy tính chứa tài nguyên chia sẻ

# Local user

- Tạo tài khoản người dùng cục bộ bằng công cụ **Local Users and Group** trong **Computer Management** (COMPMGMT.MSC)
- Các tài khoản cục bộ được lưu trữ trong tập tin cơ sở dữ liệu **SAM** (Security Accounts Manager) đặt trong thư mục **\Windows\system32\config**

# Domain user

- Tài khoản người dùng được định nghĩa trên Active Directory và lưu trữ tập trung tại máy Domain Controller
- Được phép đăng nhập vào bất kỳ máy trạm nào thuộc domain và có thể truy cập đến các tài nguyên được cấp quyền trên domain

# Domain user

- Tài khoản người dùng miền được tạo bằng công cụ **Active Directory Users and Computer** (DSA.MSC)
- Tài khoản người dùng miền chứa trong tập tin **NTDS.DIT** chứa trong thư mục **\Windows\NTDS**

# Tổ chức tên trong domain

- Thuộc tính tên người dùng:

Đối tượng	Ví dụ	Yêu cầu
Tên đăng nhập	Gregory	Phải là tên duy nhất trong vùng
Tên đăng nhập (sử dụng với Windows 2000 trở về trước)	Woodgrove\Gregory	Phải là tên duy nhất trong vùng
Tên người dùng chính (UPN)	Gregory@WoodgroveBank.com	Phải là tên duy nhất trong rừng
Tên phân biệt LDAP	CN=Gregory,OU=IT,DC=WoodgroveBank,DC=com	Phải là tên duy nhất trong toàn vùng



# Yêu cầu về tài khoản người dùng

- Mỗi username phải từ 1 đến 20 ký tự
- Mỗi username là chuỗi duy nhất của mỗi người dùng
- Không chứa các ký tự sau: “ / \ [ ] : ; | = , + \* ? < >
- Có thể chứa các ký tự đặc biệt bao gồm: dấu chấm câu, khoảng trắng, dấu gạch ngang, dấu gạch dưới
- Windows 2008 yêu cầu mật khẩu phải có 4 yếu tố sau: Chữ hoa, Chữ thường, Ký tự đặc biệt, Số

# Quản lý người dùng

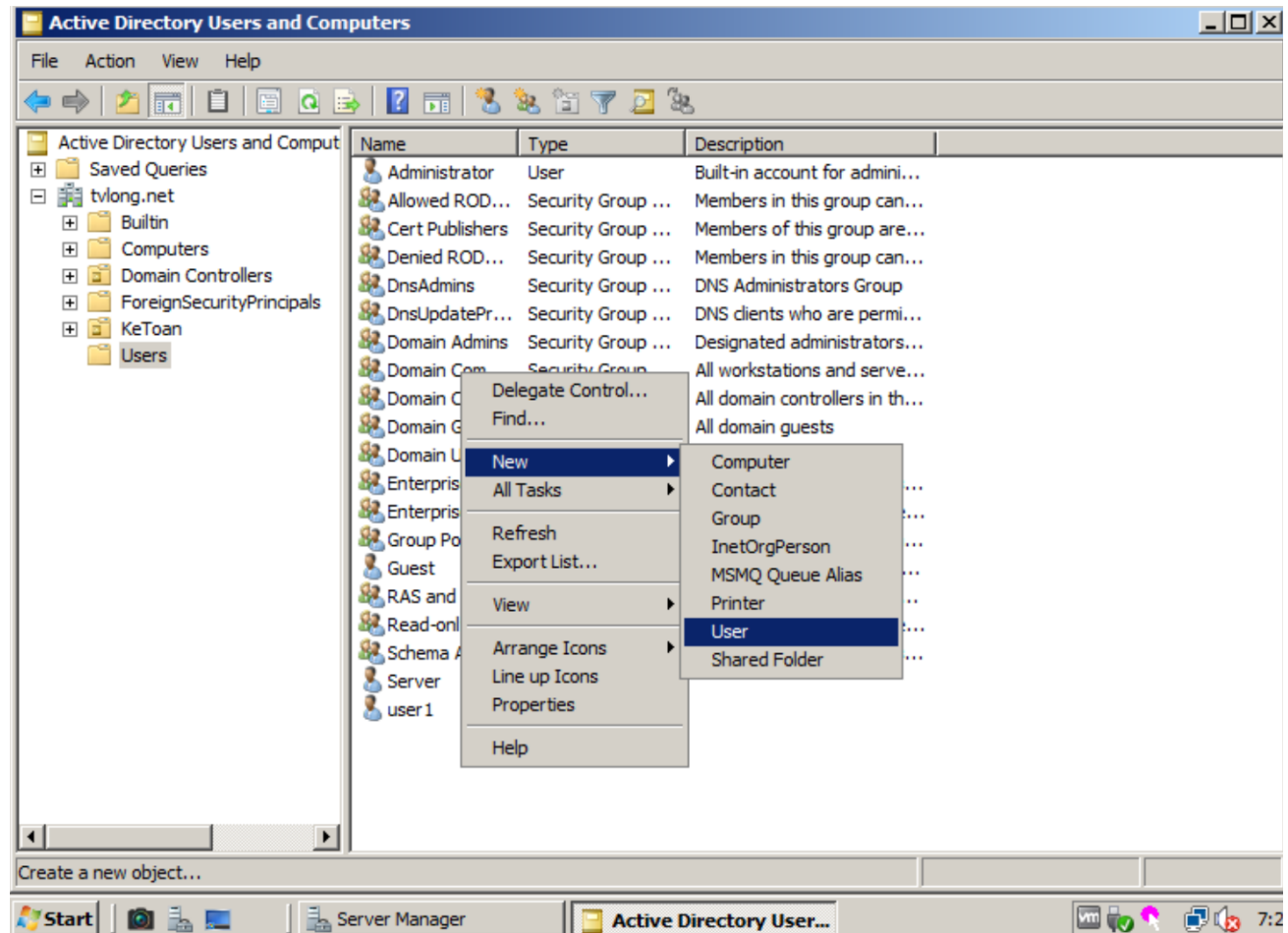
- Gán quyền thích hợp cho người dùng
- Đặt lại mật khẩu người dùng
- Đặt thời hạn truy cập vùng cho người dùng
- Đặt thời gian người dùng truy cập
- Gán các profile và thư mục home

# Định nghĩa tài khoản mẫu

- Là 1 tài khoản với các thuộc tính đã được cấu hình trước sẵn
- Tài khoản mẫu giúp việc triển khai các user có thuộc tính giống nhau trở nên thuận tiện
- Để sử dụng tài khoản mẫu:
  - Tạo ra tài khoản người dùng với các thuộc tính cụ thể
  - Sao chép tài khoản người dùng này sang một tài khoản mới
  - Chỉnh sửa lại các thuộc tính như tên đăng nhập, email...

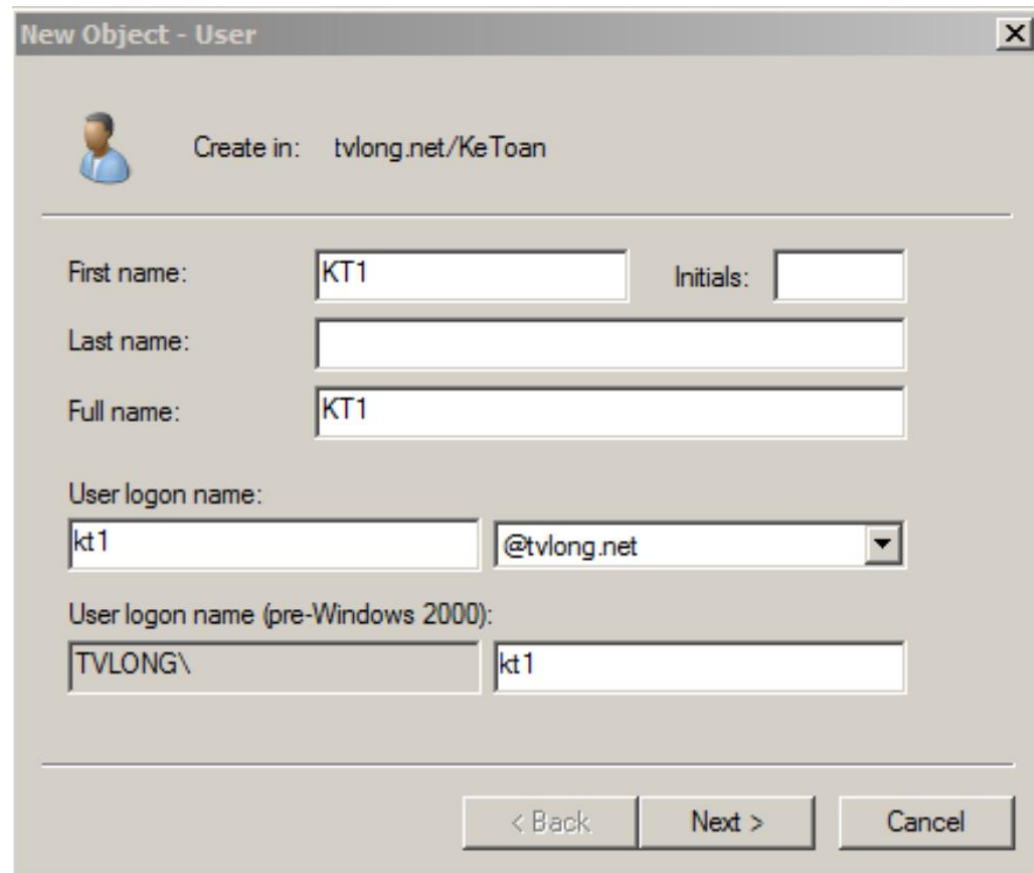
# CÁC BƯỚC TẠO MỚI USER TRÊN DC

- Ở thư mục Users, nhấn phải chọn new > user



# CÁC BƯỚC TẠO MỚI USER TRÊN DC

- Ở thư mục Users, nhấp phải chọn new > user



New Object - User

Create in: tvlong.net/KeToan

First name: KT1 Initials:

Last name:

Full name: KT1

User logon name:

kt1 @tvlong.net

User logon name (pre-Windows 2000):

TVLONG\ kt1

< Back Next > Cancel

# KIỂM TRA CÁC QUYỀN USER

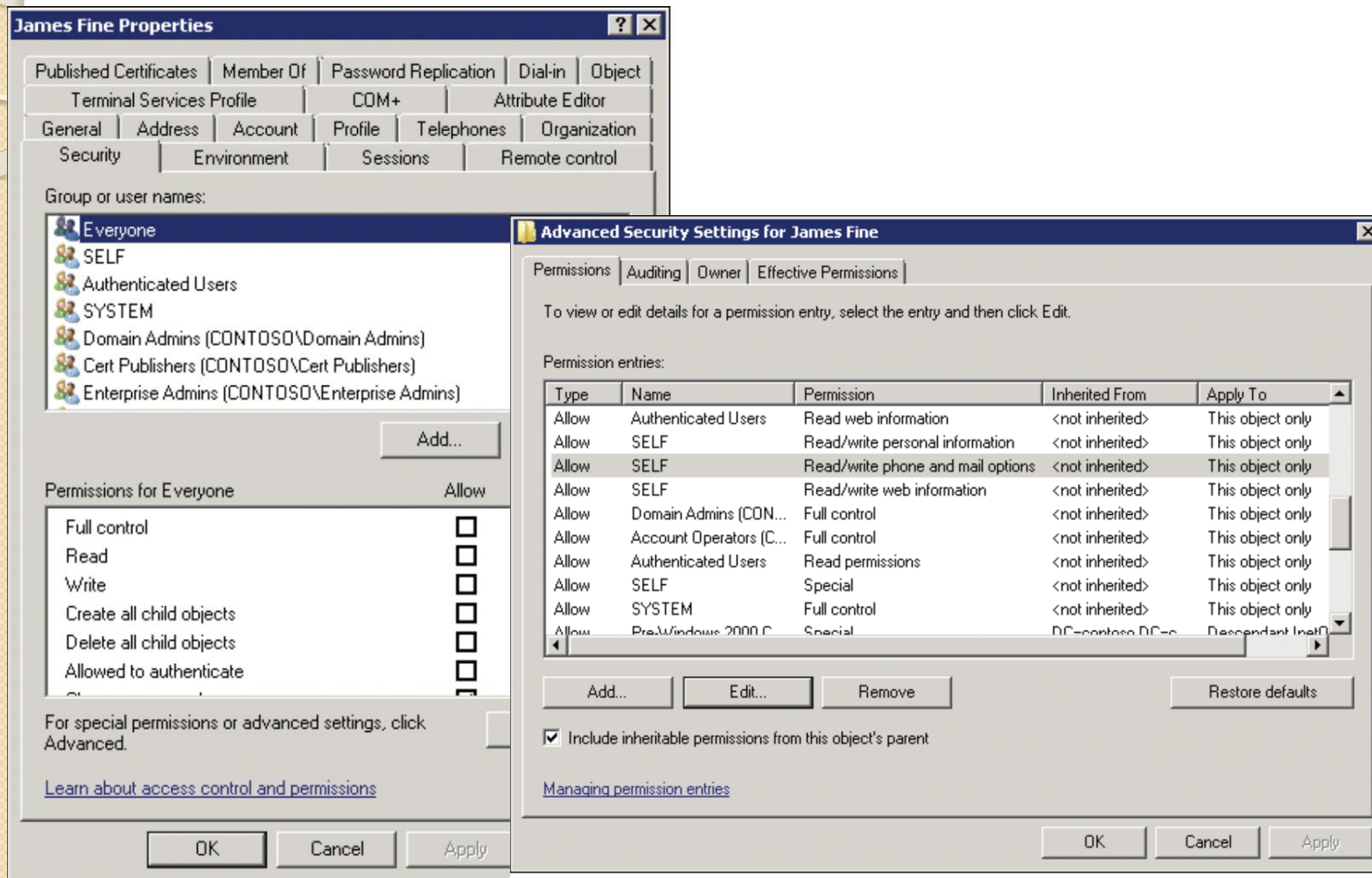


FIGURE 2-16 The Advanced Security Settings dialog box for an Active Directory object

# Câu lệnh tạo user – Command line create User

## ***Ví dụ:***

```
Dsadd user "cn=KeToanI,ou=KeToan,dc=tvlong,dc=net" -fn Long -mi Van -ln Trinh -display  
Trinh Van Long -pwd abc@123 -memberofcn=NhanVienKT,ou=KeToan,dc=tvlong,dc=net -tel  
096454625 -email longtrinhvan@gmail.com -canchpwd yes - acctexpires never
```

## ***Ý nghĩa:***

cn=KeToanI,ou=KeToan => tên tài khoản user là KeToanI trong ou KeToan

-fn Long => Tên Long

-mi Van => Tên đệm Van

-ln Trinh => Họ là Trinh

-pdw abc@123 => Mật khẩu abc@123

–memberof cn=NhanVienKT,ou=KeToan,dc=tvlong,dc=net => Thành viên của group  
NhanVienKT

–canchpwd yes => có thể thay đổi mật khẩu

– acctexpires never => Không bao giờ hết hạn